

## TIẾP CẬN CHUYỂN ĐỔI SINH THÁI - XÃ HỘI LÝ THUYẾT LIÊN NGÀNH CHO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

Phan Văn Phúc\*

Khoa Khoa học Chính trị, Trường Đại học Cần Thơ

\*Người chịu trách nhiệm về bài viết: Phan Văn Phúc (email: pvphuc@ctu.edu.vn)

### Thông tin chung:

Ngày nhận bài: 10/08/2022

Ngày nhận bài sửa: 20/09/2022

Ngày duyệt đăng: 17/10/2022

### Title:

Social–Ecological Transformation (SET) model: An interdisciplinary approach to sustainable development of the Mekong Delta of Vietnam

### Từ khóa:

Chuyển đổi sinh thái - xã hội, Đồng bằng sông Cửu Long, kinh tế học sinh thái, phát triển bền vững, thuận thiên

### Keywords:

Ecological economics, Mekong Delta of Viet Nam, nature-based development, social-ecological transformation, sustainable development

### ABSTRACT

This study firstly introduces the Social–Ecological Transformation model proposed by Sievers–Glotzbach and Tschersich (2019), and then discusses the extent to which it is applied to the development of the Mekong Delta of Viet Nam. Based on the case study method, the paper explicitly emphasizes the need of sustainability of the society, economy, and natural environment to which the model is likely suitable. Finally, the role of stakeholders to implement the policy of nature-based agricultural development as stated in the Government's Resolution No. 120/NQ-CP enacted in 2017 was highlighted.

### TÓM TẮT

Bài viết góp phần làm rõ khung phân tích Chuyển đổi sinh thái – xã hội (Social–Ecological Transformation) được đề xuất bởi Sievers–Glotzbach and Tschersich (2019) và thảo luận khả năng ứng dụng vào điều kiện thực tế của Đồng bằng sông Cửu Long. Đây là khung lý thuyết liên ngành được xây dựng dựa trên cơ sở đảm bảo sự bền vững cả về môi trường và kinh tế - xã hội. Với những điều kiện đặc thù về kinh tế, sinh thái, xã hội của Đồng bằng sông Cửu Long, bài viết đề cập khả năng tương thích, khả thi của mô hình và nhằm hướng đến sự phát triển bền vững của vùng. Từ lý thuyết này và điều kiện thực tiễn của vùng, vai trò của các bên liên quan để thực hiện chủ trương phát triển nông nghiệp “thuận thiên” như đã nêu trong Nghị quyết số 120/NQ-CP năm 2017 của Chính phủ được đề cập.

## 1. GIỚI THIỆU

Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL), nằm ở cực nam của Tổ quốc với diện tích gần 41.000 km<sup>2</sup>, chiếm khoảng 12% diện tích cả nước và dân số hơn 17,4 triệu người, chiếm 17,68% tổng dân số (Tổng cục Thống kê, 2022), được xác định là vùng trọng điểm về sản xuất và xuất khẩu lương thực, trái cây và hải sản của cả nước. Tuy nhiên, hiện nay sự phát triển của vùng đứng trước những thách thức lớn như kết cấu hạ tầng kinh tế - kỹ thuật lạc hậu, nguồn nhân

lực chất lượng thấp và yếu tố thể chế. ĐBSCL còn đứng trước thách thức về sinh thái, môi trường do bị ảnh hưởng nặng nề bởi biến đổi khí hậu, nước biển dâng và sụt lún đất (Kondolf et al., 2022). Những bất lợi này đang trở thành rào cản cho sự phát triển bền vững của vùng. Cả chính quyền địa phương và các hộ gia đình thể hiện sự lúng túng về việc làm thế nào để phát triển sản xuất phù hợp với hai điều kiện song hành: (1) đảm bảo sinh kế và (2) duy trì hệ sinh thái đang trong quá trình biến đổi.

Thời gian qua đã có một số nghiên cứu ở các lĩnh vực khác nhau, mà tiêu biểu là khoa học môi trường và kinh tế, nhằm hướng đến phát triển bền vững, tăng cường khả năng chống chịu và thích ứng với biến đổi khí hậu cho ĐBSCL, chẳng hạn, Tổ chức Di cư Quốc tế (2016). Nguyen et al. (2021) nghiên cứu các động lực của chuyển đổi nông nghiệp ở ĐBSCL. Sự chuyển đổi này được quyết định bởi bốn yếu tố là giá cả, người sản xuất, địa điểm và chính sách. Họ xây dựng một khung phân tích mới, đó là mô hình chuyển đổi nông nghiệp bền vững, bao gồm lý thuyết về chuỗi giá trị và các khái niệm kinh doanh nông nghiệp. Dang et al. (2016) nghiên cứu về các chiến lược thích ứng với biến đổi khí hậu để giúp nông dân chuyển đổi giữa hệ thống canh tác nước ngọt và nước mặn ở các vùng ven biển. Kết quả cho thấy các mô hình canh tác tôm - lúa kết hợp có thể mang lại nhiều lợi nhuận hơn nếu nông dân áp dụng các công nghệ tiên tiến hơn và đa dạng hóa cây trồng của mình. Tuy vậy, những nghiên cứu này vẫn chưa mang tính toàn diện, liên ngành nên chưa bao quát hết được những chiều cạnh khác nhau của quá trình phát triển.

Chuyển đổi sinh thái - xã hội (Social-Ecological Transformation - SET) (Sievers-Glotzbach & Tschersich, 2019) là lý thuyết mô tả quá trình chuyển hóa về sinh thái, kinh tế, chính trị và văn hóa, những cố gắng nhằm kiểm chế và khắc phục mặt trái của quá trình tăng trưởng kinh tế đã gây ra cho xã hội và môi trường sinh thái. Nó không chỉ là bối cảnh mà còn là một khung phân tích, vạch ra các tiêu chí cho phát triển bền vững trên cả ba lĩnh vực kinh tế, xã hội, sinh thái. Lý thuyết này đề xuất các biện pháp đối phó của các quốc gia cần xem xét đến các giá trị xã hội, sinh thái để đảm bảo sự cân bằng, bền vững của các chiến lược phát triển kinh tế nói riêng, chiến lược phát triển quốc gia nói chung (Ngọc & Giang, 2021).

Xuất phát từ những yêu cầu thực tiễn, bài viết sẽ góp phần làm rõ hơn khung lý thuyết chuyển đổi sinh thái - xã hội (Social-Ecological Transformation - SET) và đề xuất mô hình phát triển kinh tế nông nghiệp của vùng.

## 2. BỐI CẢNH KINH TẾ, CHÍNH TRỊ, XÃ HỘI VÀ SINH THÁI Ở ĐBSCL HIỆN NAY

ĐBSCL là vùng kinh tế nông nghiệp và kinh tế biển lớn nhất cả nước. Vùng đóng góp khoảng 50% sản lượng lúa và 95% sản lượng gạo xuất khẩu (chiếm 10% tổng lượng gạo xuất khẩu toàn cầu), 60% lượng nuôi trồng thủy sản và 60% sản lượng cá xuất khẩu hàng năm. Tuy vậy, phát triển kinh tế vẫn

chưa tương xứng với tiềm năng của vùng. Do tốc độ tăng trưởng chậm, tỷ trọng đóng góp của ĐBSCL vào GDP cả nước đang giảm, hiện chỉ bằng 2/3 so với thành phố Hồ Chí Minh. Tăng trưởng kinh tế chậm dẫn đến dư thừa lao động là nguyên nhân chính của tình trạng xuất cư. Trong giai đoạn 2009 - 2019, ĐBSCL là vùng duy nhất có quy mô dân số gần như không thay đổi (VCCI - Fulbright, 2021).

Một khó khăn kinh tế của vùng là ngành công nghiệp chiếm tỷ trọng thấp (khoảng 1/4 tổng GDP so với mức 1/3 của trung bình cả nước), năng suất lao động công nghiệp tăng rất chậm. VCCI - Fulbright (2021) cho rằng lý do chính của sự kém phát triển và năng suất thấp trong ngành công nghiệp của vùng xuất phát từ hai nguyên nhân. Thứ nhất, ĐBSCL không hấp dẫn đầu tư trực tiếp nước ngoài - khu vực có năng suất cao. Thứ hai, công nghiệp chủ yếu của vùng là chế biến nông sản, thủy sản có giá trị gia tăng thấp và bị tác động điều kiện tự nhiên, thị trường nước ngoài. Như vậy, đặc điểm kinh tế chủ yếu của vùng còn phụ thuộc nhiều vào ngành nông nghiệp, năng suất thấp, di dân và tỷ trọng đóng góp trong GDP cả nước giảm tương đối.

Về văn hóa - xã hội, ĐBSCL là vùng đất đa văn hóa, là nơi sinh sống, gắn bó lâu đời của cộng đồng các dân tộc Việt, Khmer, Hoa,... Đây là vùng có văn hóa nông nghiệp vẫn còn rất đậm nét. Điều này một mặt có tác động tích cực đối với phát triển du lịch. Tuy vậy, nó là hạn chế trong quá trình phát triển vì người dân có ý thức kỷ luật và tính chuyên nghiệp chưa cao (VCCI-Fulbright, 2021; Ban Kinh tế Trung ương, 2022). Về giáo dục phổ thông, ĐBSCL là vùng có tỷ lệ học sinh bỏ học cao nhất cả nước, tỷ lệ chi tiêu cho giáo dục rất thấp trong GDP. Tương tự, giáo dục đại học của vùng cũng gặp bất lợi do thị trường lao động hạn chế mặc dù số trường đại học trong vùng tăng nhanh trong thời gian qua.

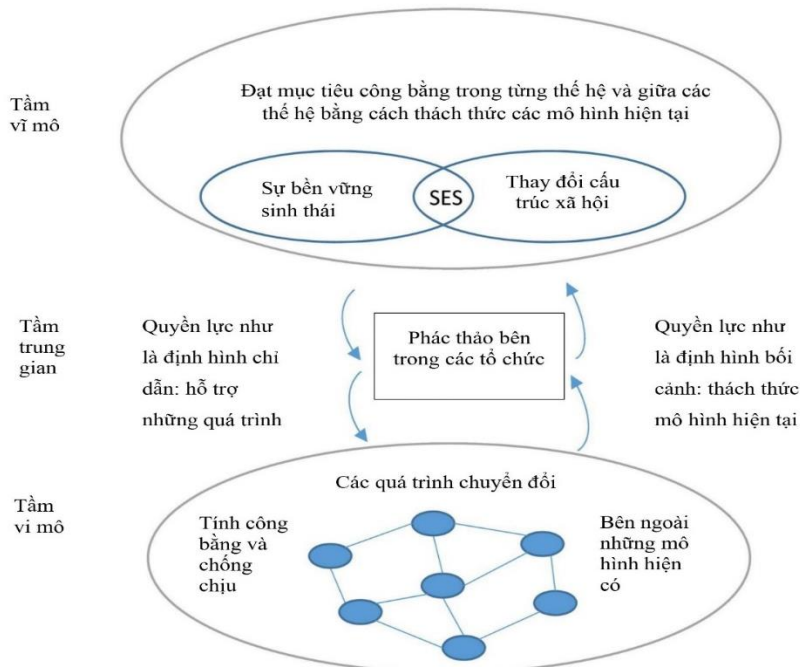
Về chính trị, ĐBSCL là vùng địa chính trị, địa kinh tế hết sức quan trọng đối với Việt Nam. Là vùng tiếp giáp tuyến hàng hải Đông - Tây với bờ biển dài hơn 700 km, chiếm 23% tổng chiều dài bờ biển cả nước, có khoảng 360.000 km<sup>2</sup> vùng biển và vùng đặc quyền kinh tế (Ban Kinh tế Trung ương, 2022). Một khó khăn về chính trị là sự phối hợp giữa các tỉnh trong vùng và với các địa phương khác (như thành phố Hồ Chí Minh) còn lỏng lẻo, chưa đồng bộ. Đây là rào cản trong việc quy hoạch, thực thi các chính sách trên quy mô tổng thể của vùng.

Đặc điểm sinh thái nổi bật nhất của ĐBSCL là hệ thống sông ngòi và kênh rạch chằng chịt. ĐBSCL có nhiều vườn cây ăn trái nhiệt đới, khu dự trữ sinh quyển, vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên. Đây

cũng là vùng có tiềm năng về năng lượng tái tạo như điện mặt trời, điện gió (VCCI – Fulbright, 2021; Ban Kinh tế Trung ương, 2022). Theo Quyết định số 287/QĐ-TTg ngày 28 tháng 2 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt quy hoạch vùng ĐBSCL thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050, ĐBSCL được chia làm ba vùng sinh thái thích ứng với biến đổi tự nhiên như sau: (1) vùng sinh thái ngọt và trung tâm của đồng bằng (An Giang, Đồng Tháp, Hậu Giang, Vĩnh Long, thành phố Cần Thơ và một phần của Kiên Giang, Sóc Trăng, Trà Vinh, Bến Tre, Tiền Giang, Long An); (2) vùng sinh thái mặn – lợ ở ven biển (bao gồm một phần của Kiên Giang, Cà Mau, Bạc Liêu, Sóc Trăng, Trà Vinh, Bến Tre, Tiền Giang, Long An); và (3) vùng chuyển tiếp ngọt – lợ ở giữa đồng bằng (bao gồm một phần của Kiên Giang, Cà Mau, Bạc Liêu, Sóc Trăng, Trà Vinh, Bến Tre, Tiền Giang, Long An).

Vùng ĐBSCL đang thường xuyên phải đối mặt với hạn hán và xâm nhập mặn. Cụ thể, năm 2019 và 2020 đã có khoảng 6.600 ha cây ăn trái bị thiếu nước tưới, khoảng 355 ha bị mất trắng. Ngoài ra, hiện trên dòng sông Mekong có khoảng 64 đập thủy điện, gây nguy cơ về an ninh nguồn nước và tác động tiêu cực đến sản xuất nông nghiệp của vùng (Phú và ctv., 2021).

### 3. MÔ TẢ KHUNG LÝ THUYẾT CHUYỂN ĐỔI SINH THÁI – XÃ HỘI



Nguồn: Sievers-Glotzbach & Tschersich (2019)

**Hình 1. Khung phân tích sinh thái – xã hội**

### 3.1. Xây dựng khung phân tích

Hệ thống sinh thái – xã hội (Social–Ecological System - SES) là nơi mà các chiều cạnh xã hội, kinh tế, sinh thái, văn hóa, chính trị, công nghệ được liên kết chặt chẽ. Các hệ thống sinh thái – xã hội thực sự liên kết với nhau và cùng thay đổi, tiến hóa, trong đó hệ sinh thái cung cấp các dịch vụ thiết yếu cho xã hội như cung cấp thực phẩm, năng lượng và nước uống (Hương & Hà, 2021). Các hệ thống này luôn trong quá trình vận động và biến đổi.

Trong bài viết này, khung phân tích SET được đề xuất trong Sievers-Glotzbach and Tschersich (2019) được sử dụng. Chuyển đổi sinh thái xã hội (Social–Ecological Transformation - SET) là cách tiếp cận đa ngành đối với môi trường và kinh tế - xã hội. Những vấn đề bất cập trong quá trình phát triển được xem xét bởi sự phân tích đa cấp bậc, dưới quan điểm sinh thái và bao gồm phân tích lý thuyết hệ thống về sự phụ thuộc lẫn nhau (Hương & Hà, 2021). Khung phân tích này đề ra một cách tiếp cận đa lĩnh vực đối với các vấn đề sinh thái - xã hội và kêu gọi sự hợp tác giữa các lĩnh vực nghiên cứu khác nhau. Hơn nữa, nó coi sự tham gia của tất cả các bên liên quan là bắt buộc để theo đuổi những thay đổi của hiện trạng (Hình 1). Sự biến đổi sinh thái - xã hội được phân tích theo ba cấp độ: tầm vĩ mô (macro), trung mô (trung gian) (meso) và vi mô (micro).

Ở cấp độ vĩ mô, mô hình SET theo đuổi sự chuyển đổi liên tục nhằm đảm bảo sự tồn tại lâu dài của nguồn lực tự nhiên, đồng thời thúc đẩy những thay đổi căn bản của cấu trúc xã hội. Để thực hiện ý tưởng này, nó đối ngược và chuyển hướng các hệ thống sinh thái – xã hội hiện tại mang tính không ổn định ở các khía cạnh khác nhau: (i) tính dễ đổ vỡ về kinh tế - xã hội do hệ quả của "tăng trưởng vật chất", đó là bất bình đẳng kinh tế, làm giảm sự phát triển của năng lực và phẩm chất cá nhân; (ii) sự không kết nối giữa con người và tự nhiên hay "quyền kiểm soát và quyền tự chủ của con người đối với tự nhiên"; (iii) tác động tiêu cực của "kiến thức chuyên môn và chuyên môn hóa" do áp dụng kiến thức từ một ngành khoa học đơn lẻ. Từ đó, mô hình này kêu gọi cách tiếp cận toàn diện sử dụng kiến thức từ một số ngành khoa học để hiểu được cấu trúc sinh thái – xã hội hiện có.

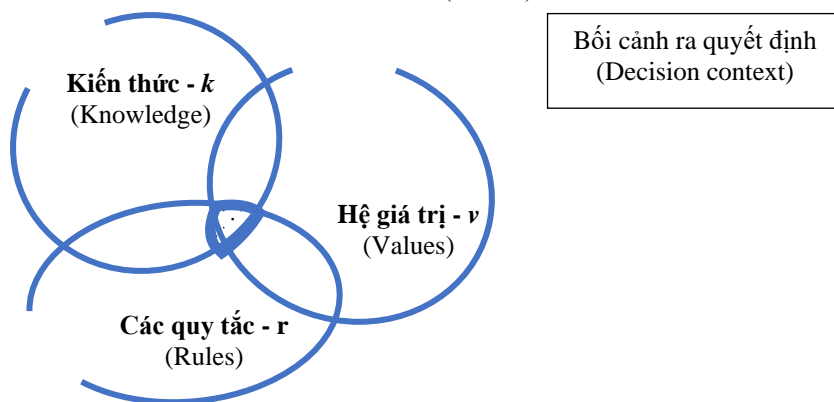
Ở tầm vi mô, SET nhấn mạnh sự chuyển đổi được tạo ra bởi các bên liên quan như nhà sản xuất hay nông dân, các tổ chức phi chính phủ và chính quyền địa phương, những người đã giới thiệu, hỗ trợ và giúp đỡ người dân địa phương thay đổi lối sống, chất lượng cuộc sống liên quan đến sức khỏe, sinh thái, công bằng.

Ở tầm trung mô, mô hình kết nối cấp vĩ mô và vi mô nhằm nhấn mạnh và đánh giá ảnh hưởng chuyển đổi của các quá trình thay đổi này theo cả hai cách tiếp cận từ dưới lên và từ trên xuống. Cấp độ này cố gắng thách thức hiện trạng bằng cách tạo điều kiện cho một hệ thống giáo dục và chia sẻ kinh nghiệm và thiết lập mạng lưới hàng ngang và hàng dọc để tăng cường hợp tác và, do đó, hỗ trợ cho các yếu tố chuyển đổi.

### 3.2. Xác định sự vận động của các yếu tố liên quan đến sự biến đổi kinh tế - xã hội và sinh thái

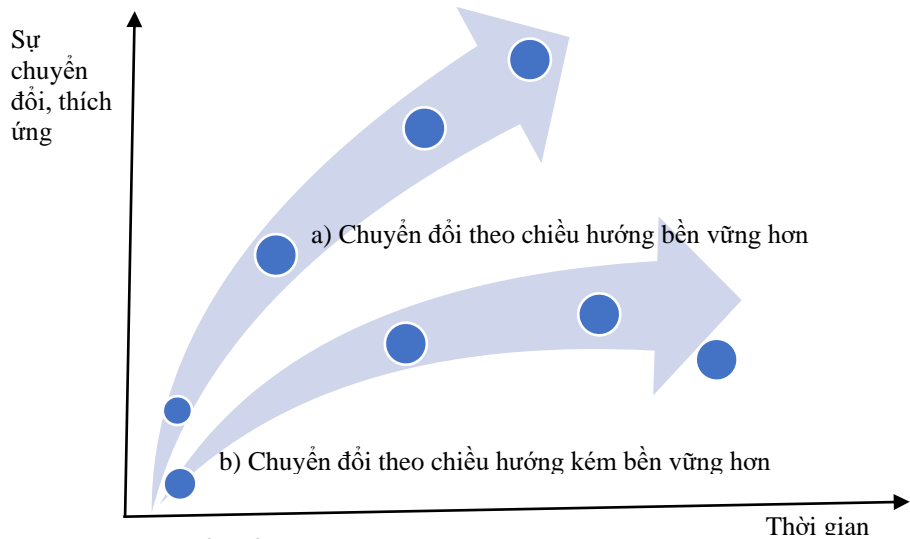
Các yếu tố của quá trình chuyển đổi sinh thái – xã hội được tập hợp thành ba nhóm dựa trên quá trình ra quyết định của xã hội theo vòng tròn mở bao gồm quan điểm giá trị - quy tắc - kiến thức (*values (v) - rules (r) - knowledge (k)*). Các giá trị (*v*) dùng để chỉ những động lực có tác dụng định hướng các mục tiêu, hành động và những ưu tiên. Nó là những thứ quan trọng, hữu ích và có giá trị (Colloff et al., 2017). Trong hệ thống sinh thái – xã hội này, thiên nhiên được coi là nguồn lợi ích vật chất và an sinh, đồng thời kết hợp các giá trị nội tại (tức là các giá trị vốn có, không phụ thuộc vào tính hữu dụng) và các giá trị quan hệ (nghĩa là các mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên được mong muốn) (Colloff et al., 2017). Điều đó có nghĩa là xã hội và các bên liên quan hiểu rõ những kết quả cần thiết do quá trình biến đổi mang lại. Các quy tắc (*r*) đề cập đến tính hợp pháp của sự can thiệp từ các bên liên quan hoặc là trả lời câu hỏi "kết quả của quá trình chuyển đổi có được phép không". Cuối cùng, kiến thức (*k*) ngụ ý rằng liệu các bên liên quan có biết kết quả hay không.

Các tương tác qua hệ giá trị (*v*) - quy tắc (*r*) - kiến thức (*k*) có thể phản ánh phức tạp phương hướng vận động của các yếu tố cụ thể. Những vấn đề phát sinh trong từng tập hợp sẽ được xác định để đưa ra các giải pháp và đi đến quỹ đạo phát triển bền vững. Khi các giá trị, quy tắc và kiến thức được xem xét một cách rõ ràng trong quá trình ra quyết định thích ứng, chúng thường được coi là các thực thể độc lập và tách biệt với nhau (Colloff et al., 2017) (Hình 2).



Hình 2. Bối cảnh ra quyết định trong mô hình chuyển đổi sinh thái – xã hội

Nguồn: Colloff et al. (2017)



**Hình 3. Các khả năng chuyển đổi, thích ứng của các hệ thống sinh thái – xã hội**

Nguồn: Colloff et al. (2017)

Quá trình chuyển đổi một hệ thống sinh thái – xã hội có thể theo các quỹ đạo với khả năng thích ứng và mức độ bền vững khác nhau. Nếu quá trình chuyển đổi diễn ra theo xu hướng tích cực thì hệ thống sẽ vận động theo hướng phát triển bền vững hơn, tăng cường khả năng thích ứng với các biến đổi của hệ sinh thái và điều kiện kinh tế - xã hội. Các phương án chuyển đổi có thể được phác thảo như trong Hình 3. Vòng tròn đậm tượng trưng cho trạng thái chuyển đổi của hệ thống sinh thái – xã hội, nó có thể chuyển đổi theo các khuynh hướng khác nhau theo thời gian. Nếu quá trình chuyển đổi diễn ra theo chiều hướng kém bền vững (trường hợp b) thì nó có thể dẫn tới sự khủng hoảng, đình trệ, đổ vỡ của cả hệ thống. Trong trường hợp này, nó đòi hỏi sự can thiệp, tác động hay chủ động thay đổi từ các bên liên quan, đặc biệt là chính quyền các cấp. Các bên liên quan xác định và tuân theo hướng chuyển động để đi đến quỹ đạo phát triển bền vững về sinh thái, kinh tế và xã hội (trường hợp a). Để làm được điều này, các bên liên quan cần phải trả lời các câu hỏi: (1) “chúng ta có hiểu rõ kết quả và mong muốn của sự chuyển đổi?”; (2) “chúng ta có được phép tạo ra sự thay đổi dẫn đến những kết quả như vậy hay không?”; (3) và “bằng cách nào/phương thức nào để có được kết quả mong đợi này?” (Colloff et al., 2017).

**4. TỪ LÝ THUYẾT ĐẾN THỰC TIỄN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP THEO HƯỚNG “THUAN THIÊN”**

Với những đặc thù sinh thái, môi trường, kinh tế - xã hội như mô tả ở trên, ĐBSCL trước hết cần xác định các mô hình sản xuất nông nghiệp theo hướng bền vững, thích ứng với sự chuyển đổi sinh thái, xã hội đang diễn ra mạnh mẽ hiện nay. Mô hình chuyển đổi sinh thái - xã hội coi sự tồn tại của các chức năng sinh thái cũng như sự thay đổi cấu trúc kinh tế - xã hội là những điều kiện tiên quyết đảm bảo phát triển bền vững. Trên cơ sở đó, mô hình dự báo một số kịch bản có thể xảy ra và xác định quỹ đạo tối ưu đáp ứng các điều kiện sinh thái, kinh tế, xã hội cần được phân tích chi tiết, cụ thể.

Ở tầm vĩ mô, Chính phủ đã nhận thức được sự cần thiết của phát triển bền vững và thích ứng với điều kiện thay đổi của thiên nhiên. Nghị quyết 120/NQ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về phát triển bền vững ĐBSCL thích ứng với biến đổi khí hậu đã nêu ra quan điểm chỉ đạo nhấn mạnh đến đặc điểm sinh thái trong quá trình phát triển của vùng. Nghị quyết đã nêu rõ phải: “*Tôn trọng các quy luật tự nhiên, phù hợp với điều kiện thực tế, tránh can thiệp thô bạo vào tự nhiên; chọn mô hình thích ứng theo tự nhiên, thân thiện với môi trường và phát triển bền vững với phương châm chủ động sống chung với lũ, ngập, nước lợ, nước mặn; nghiên cứu xây dựng các kịch bản và có giải pháp ứng phó hiệu quả với thiên tai như bão, lũ, hạn hán và xâm nhập mặn, với các tình huống bất lợi nhất do biến đổi khí hậu và phát triển thượng nguồn sông Mekong... Khuyến khích sự tham gia của tất cả các bên liên quan, bảo đảm sự gắn kết hữu cơ trong nội*

vùng cũng như sự liên kết chặt chẽ với vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và Tiểu vùng sông Mekong”. Đây có thể coi là những phát biểu chính thức về hệ giá trị (*v*: cộng đồng dân cư và Chính phủ mong muốn có cuộc sống tốt đẹp hơn đặt trong bối cảnh bảo vệ thiên nhiên, thích ứng với biến đổi về môi trường sinh thái) và quy tắc (*r*: tôn trọng các quy luật tự nhiên, tránh can thiệp thô bạo vào tự nhiên) trong quá trình chuyển đổi. Trên cơ sở đó, Chính phủ định hình một mô hình chuyển đổi cụ thể có đi theo quỹ đạo bền vững hay không (Hình 3). Nếu nó đi theo quỹ đạo kém bền vững thì cần có sự can thiệp kịp thời để điều chỉnh hướng đi bền vững hơn về sinh thái và xã hội.

Tuy nhiên, Nghị quyết 120/NQ-CP cũng chỉ là những phác thảo ban đầu. Để hình thành nền kinh tế tuần hoàn, Chính phủ cần thúc đẩy sự hình thành các liên kết, hợp tác giữa các bên liên quan, bao gồm hộ gia đình nông dân, các doanh nghiệp và cơ sở đào tạo cùng hướng đến phát triển bền vững. Để làm được như vậy, Su et al. (2013) đề xuất chính quyền cần thiết lập các chính sách ưu đãi cho sản xuất và tiêu dùng theo hướng thân thiện và bền vững về môi trường hơn. Về phía sản xuất, chính sách ưu đãi cần khuyến khích cho các bên liên quan thực hiện nguyên tắc 3R (*reduce* – giảm; *reuse* – sử dụng lại; *refurbish* – tân trang) của kinh tế tuần hoàn. Về phía Chính phủ, hệ thống kết cấu hạ tầng và các khu công nghiệp xanh cần phải được thiết kế và thiết kế lại phù hợp với điều kiện của từng vùng. Đồng thời, các đơn vị sản xuất gây ô nhiễm môi trường từng bước phải được loại bỏ. Về phía tiêu dùng, Chính phủ cần khuyến khích sử dụng và tái sử dụng sản phẩm để hạn chế mua bán các sản phẩm mới hoàn toàn. Về mặt sinh thái, ĐBSCL trước hết thay đổi tư duy phát triển “từ chinh phục thiên nhiên” sang “thuận thiên”, thân thiện và thích ứng với với điều kiện tự nhiên đang thay đổi nhanh chóng. Kondoff et al. (2022) cho rằng mặc dù Nghị quyết 120/NQ-CP đã đề cập những tác động tự nhiên, tuy nhiên những hiện tượng này có thể chỉ là bề nổi, là biểu hiện của quá trình sụt lún đang diễn ra nhanh chóng của vùng mà nguyên nhân chủ yếu là do tác động của con người. Chính phủ vẫn chưa chú trọng phân tích nguyên nhân và tìm giải pháp để thúc đẩy phát triển nông nghiệp đồng thời hạn chế tối đa quá trình sụt lún này.

Theo Minkman et al. (2022), rào cản lớn nhất để phát triển kinh tế theo hướng chuyển đổi bền vững ở ĐBSCL hiện nay chính là sự rời rạc, manh mún và thiếu phối hợp trong lãnh đạo, điều hành giữa các bộ ngành và không có sự phối hợp hiệu quả của chính quyền các tỉnh, đặc biệt là cơ chế phân bổ đầu tư công. Do đó, để đưa Nghị quyết 120/NQ-CP và các

chủ trương, chiến lược và chính sách phát triển vào cuộc sống, chính quyền trung ương cần chỉ đạo, giám sát việc thực hiện của các bộ, ngành và đặc biệt là các địa phương trong vùng nhằm tránh tình trạng chồng chéo, rời rạc và cục bộ. Trước hết, Chính phủ cần xây dựng một cơ chế phối hợp, đối thoại chia sẻ thông tin và hành động chung để tiến tới thực thi quy hoạch tổng thể cho sự phát triển của vùng.

Chính phủ cũng cần có những hỗ trợ để doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ sản xuất những mặt hàng nông sản, thủy sản theo hướng thân thiện, bền vững môi trường, làm gia tăng giá trị sản phẩm của địa phương, giải quyết việc làm, tránh tình trạng di dân của vùng. Muốn thu hút đầu tư, Chính phủ cần phải cải thiện hệ thống giao thông, tạo kết nối, rút ngắn thời gian, giảm chi phí vận chuyển hàng hóa trong nội vùng và với thành phố Hồ Chí Minh.

Có thể nói, những thay đổi mạnh mẽ trong mô hình chuyển đổi sinh thái - xã hội phải được diễn ra ở tầm trung mô và vi mô. Chính phủ và chính quyền địa phương cần thiết phải cụ thể hóa hệ giá trị, đưa ra và tuân thủ những chuẩn mực, quy định trong quá trình chuyển đổi dựa trên sự phát triển, hoàn thiện kiến thức (*k*), những hiểu biết về các quá trình chuyển đổi sinh thái - xã hội của vùng trên cơ sở tư vấn, hỗ trợ và phối hợp của các nhóm nghiên cứu, chuyên gia ở các lĩnh vực khác nhau (như kinh tế, xã hội, môi trường,...). Để có thể biến những quan điểm chính trị nêu trên thành hiện thực và thúc đẩy sự phát triển của vùng, trước hết cần phải có hành động tích cực của chính quyền trung ương và địa phương. Các chính quyền địa phương cần xem mình là một thành viên, bộ phận và phải phối hợp với các địa phương còn lại thì mới có thể giải quyết có hiệu quả các vấn đề kinh tế, xã hội, môi trường hiện nay. Điều này nhằm trả lời câu hỏi, địa phương nên làm gì và được làm gì để phù hợp với quy hoạch chung của vùng. Trên cơ sở khuyến nghị này, các địa phương cung cấp thông tin đến người dân để định hướng phát triển sản xuất theo xu hướng bền vững về sinh thái và kinh tế - xã hội.

Về mặt kinh tế, sản xuất nông nghiệp phải “đáp ứng nhu cầu thị trường, chuyển từ số lượng sang chất lượng”, “phát triển mạnh mẽ nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, gắn với chuỗi giá trị và xây dựng thương hiệu” (Nghị quyết 120/NQ-CP). Chính quyền trung ương và địa phương cần hỗ trợ nghiên cứu sâu hơn những biến đổi sinh thái, xã hội, môi trường và kêu gọi sự quan tâm, tham gia của các nhà nghiên cứu để có thể đánh giá toàn diện và xây dựng mô hình phát triển đa ngành khả thi nhất cho vùng. Điều này nhằm xác định các xu hướng và định



hình trước trạng thái và sự thay đổi mong muốn. Phát triển ĐBSCL đảm bảo sự bền vững cả về mặt kinh tế, sinh thái và xã hội đang gặp thách thức vô cùng lớn vì ngoài những khó khăn chung như các vùng khác của Việt Nam còn có sự tác động mạnh mẽ của biến đổi khí hậu, sụt lún đất, vấn đề nguồn nước của sông Mekong... Do vậy, việc xây dựng mô hình khả thi đòi hỏi sự hợp tác, nghiên cứu giữa nhiều nhà khoa học ở các lĩnh vực khác nhau. Những nỗ lực thành lập Diễn đàn Phát triển bền vững ĐBSCL (Sustainable Development of the Mekong Delta - SDMD) có thể là một thí dụ điển hình về chú trọng tầm ảnh hưởng của giới trí thức và sự kết hợp của chính quyền đối với nhà khoa học trong phát triển của vùng.

Ở tầm vi mô, một trong những bên liên quan góp phần quan trọng cho sự thành công chính là các hộ gia đình và doanh nghiệp của vùng. Đây là lực lượng trực tiếp vừa chịu sự tác động mạnh mẽ của những chuyển biến sinh thái - xã hội, đồng thời cũng chính là nhân tố thúc đẩy sự chuyển biến theo chiều hướng tích cực, thúc đẩy sự phát triển. Xét ở góc độ kinh tế, để có được sinh kế tốt hơn, phải từ bỏ mô hình kinh tế nông nghiệp truyền thống, sản xuất nhỏ lẻ hiện nay. Điều này đặt các hộ gia đình sản xuất nông nghiệp trước hai lựa chọn: (1) phải liên kết để sản xuất lớn mang tính chuyên nghiệp, hiện đại; (2) phải chuyển sang các ngành nghề phi nông nghiệp để có sinh kế tốt hơn. Đây cũng chính là quá trình thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn của vùng. Bên cạnh đó, các hộ gia đình cần đa dạng hóa các nguồn thu, đặc biệt là nguồn thu từ hoạt động phi nông nghiệp. Hộ gia đình cần thiết phải đầu tư giáo dục cho con cái, xem đây là nguồn đầu tư cho phát triển bền vững.

Một bộ phận doanh nghiệp trong vùng cần phát triển theo hướng tận dụng các phế phẩm, phụ phẩm làm nguyên liệu sản xuất. Điều này có thể học hỏi kinh nghiệm qua một số mô hình điển hình của châu Âu. Theo Ghisellini and Ulgiati (2020), phế phẩm từ rau có thể sử dụng để làm mùn phân hữu cơ, trâu

và cám từ gạo có thể làm nhựa hữu cơ (bioplastics) hay có thể sản xuất mỹ phẩm.

## 5. KẾT LUẬN

Bài viết đã giới thiệu bước đầu những nội dung, tầm quan trọng của lý thuyết đa ngành (Chuyển đổi sinh thái - xã hội (SET)) trong bối cảnh chuyển đổi sản xuất nông nghiệp của vùng ĐBSCL theo hướng “thuận thiên”. Ngoài những thách thức chung của nền kinh tế Việt Nam, ĐBSCL còn chịu ảnh hưởng nặng nề của biến đổi khí hậu, sụt lún và tác động tiêu cực của các nước đến dòng sông Mekong. Trong bối cảnh đó, lý thuyết chuyển đổi sinh thái - xã hội cho phép mô hình hóa, chuyển dịch trạng thái phát triển hiện có sang trạng thái mong muốn, đảm bảo sự bền vững cả về môi trường sinh thái và kinh tế. Có thể nói, đây là mô hình phù hợp để phân tích sự phát triển mang tính đặc thù của ĐBSCL hiện nay.

Tuy nhiên, trong khuôn khổ bài viết, những phân tích này mới chỉ là bước đầu, là những gợi ý về lý thuyết. Để hiện thực hóa nó và hướng tới phát triển bền vững cần phải đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng đồng thời cả ở tầm vĩ mô, trung mô và vi mô. Hơn nữa, mô hình này đòi hỏi sự tham gia và tương tác giữa các bên liên quan, trong đó vai trò quan trọng của nhà nước là ở tầm vĩ mô và trung mô, định hình sự chuyển đổi tích cực và hỗ trợ các bên liên quan để đạt được mục tiêu này. Người dân và doanh nghiệp thực hiện quá trình chuyển đổi ở tầm vi mô. Để thực hiện nó, các chủ thể cần biết rõ tầm quan trọng của chuyển đổi, nắm bắt các quy định, các giá trị đã được định hình để kiên trì sự chuyển đổi nhằm đạt đến trạng thái phát triển bền vững hơn.

## LỜI CẢM ƠN

Tác giả cảm ơn PGS.TS Nguyễn Hiếu Trung và các chuyên gia của Viện Nghiên cứu Biến đổi Khí hậu, Trường Đại học Cần Thơ đã đóng góp cho bản thảo của bài viết này.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

Ban Kinh tế Trung ương, Ban Chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam. (2022). *Báo cáo Tổng kết thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 20/01/2003 của Bộ Chính trị Khóa IX về phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2001-2010; Kết luận số 28-KL/TW về phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2011-2020.*

Colloff, M. J., Martín-López, B., Lavorel, S., Locatelli, B., Gorrdard, R., Longaretti, P.-Y., Walters, G., van Kerkhoff, L., Wyborn, C., Coreau, A., Wise, R. M., Dunlop, M., Degeorges, P., Grantham, H., Overton, I. C., Williams, R. D., Doherty, M. D., Capon, T., Sanderson, T., & Murphy, H. T. (2017). An integrative research framework for enabling transformative adaptation. *Environmental*

- Science & Policy*, 68, 87–96.  
<https://doi.org/10.1016/j.envsci.2016.11.007>
- Đặng, K. N., To, L. P., Nguyễn, N. S., Võ, V. H., Nguyễn, H. T., Văn, P. Đ. T., Nguyen, H. T., van Halsema, G., & Bosma, R., (2016). Climate Change Adaptation Strategies for Freshwater Agriculture in the Coastal Mekong Delta: Farm-scale Opportunities and Water Management Challenges. *Tropicicultura*, NS, 116–120.
- Ghisellini, P., & Ulgiati, S. (2020). Circular economy transition in Italy. Achievements, perspectives and constraints. *Journal of Cleaner Production*, 243, 118360–. <https://doi.org/10.1016/j.jclepro.2019.118360>
- Hương, H. T., & Hà, Đ. T. P. (2021). Kết hợp cách tiếp cận chuyển đổi sinh thái - xã hội và cách tiếp cận nhìn trước công nghệ trong xây dựng chiến lược và chính sách môi trường ở Việt Nam. Trong Đ. T. Trường & P. Degenhardt, *Sản xuất nông nghiệp ở việt nam từ cách tiếp cận chuyển đổi sinh thái - xã hội: cơ hội, thách thức và hàm ý chính sách*. NXB Lao Động.
- Kondolf, G. M., Schmitt, R. J. P., Carling, P. A., Goichot, M., Keskinen, M., Arias, M. E., ... & Wild, T. (2022). Save the Mekong Delta from drowning. *Science*, 376(6593), 583-585. <https://doi.org/10.1126/science.abm5176>
- Minkman, E., Nguyen, H. Q., Luu, T. T., Dang, K. K., Nguyen, S. L., Du, H., Huizer, T., & Rijke, J. (2022). From national vision to implementation: governance challenges in sustainable agriculture transitions in the Vietnamese Mekong Delta region. *Regional Environmental Change*, 22(2), 1–. <https://doi.org/10.1007/s10113-022-01898-z>
- Ngọc, H. H., & Tuyết, T. T. (2021). *Kiến tạo chính sách nhằm chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu ở vùng đồng bằng sông Cửu Long*. [https://mof.gov.vn/webcenter/portal/vclvcstc/pages\\_r/l/chi-tiet-tin?dDocName=MOFUCM183108](https://mof.gov.vn/webcenter/portal/vclvcstc/pages_r/l/chi-tiet-tin?dDocName=MOFUCM183108)
- Ngọc, T. Q., & Giang, Đ. T. H. (2021). Giải pháp dựa vào tự nhiên cho nền nông nghiệp chuyển đổi trong bối cảnh biến đổi toàn cầu. Trong Đ. T. Trường & P. Degenhardt (Chủ biên), *Sản xuất nông nghiệp ở việt nam từ cách tiếp cận chuyển đổi sinh thái - xã hội: cơ hội, thách thức và hàm ý chính sách*. NXB Lao Động.
- Nguyễn, T. B., Tien, Le, V. T., Nguyen, A. M., Nguyen, N. M., & Nguyen, H. T. (2021). Drivers of agricultural transformation in the coastal areas of the Vietnamese Mekong delta. *Environmental Science and Policy*, 122, 49-58.
- Phú, N. P., Duy, N. K. & Viễn, B. T. T. (2021). Tiếp cận chuyển đổi sinh thái - xã hội (SET) về sản xuất nông nghiệp và hệ thống lương thực: Lý thuyết và hàm ý chính sách. Trong Đ. T. Trường & P. Degenhardt (Chủ biên), *Sản xuất nông nghiệp ở việt nam từ cách tiếp cận chuyển đổi sinh thái - xã hội: cơ hội, thách thức và hàm ý chính sách*. NXB Lao Động.
- Sievers-Glotzbach, S., & Tschersich, J. (2019). Overcoming the process-structure divide in conceptions of Social-Ecological Transformation: Assessing the transformative character and impact of change processes. *Ecological Economics*, 164, 106361.
- Su, B., Heshmati, A., Geng, Y., & Yu, X. (2013). A review of the circular economy in China: moving from rhetoric to implementation. *Journal of Cleaner Production*, 42, 215–227. <https://doi.org/10.1016/j.jclepro.2012.11.020>
- Tổ chức Di cư Quốc tế. (2016). *Thích nghi với biến đổi khí hậu thông qua di cư: Một nghiên cứu về trường hợp Đồng bằng sông Cửu Long*. Truy cập tại: [https://publications.iom.int/system/files/pdf/vietnam\\_survey\\_report\\_vn\\_0.pdf](https://publications.iom.int/system/files/pdf/vietnam_survey_report_vn_0.pdf).
- Tổng cục Thống kê. (2022). *Niên giám thống kê 2021*. Hà Nội: NXB Thống kê.
- Vietnam Chamber of Commerce and Industry (VCCI) & Fulbright (VCCI – Fulbright). (2021). *Annual Economic Report Mekong Delta 2020: Enhancing Competitiveness for Sustainable Development*. <https://fsppm.fulbright.edu.vn/en/news-events/new-faculty-publications/annual-economic-report-mekong-delta-2020-enhancing-competitiveness-for-sustainable-development/>